

TẬP ĐOÀN GEMADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ GEMADEPT DUNG QUẤT



Thông tin Cảng Quốc tế GEMADEPT DUNG QUẤT

Cập nhật: 10 / 2017.

Người cập nhật: Nguyễn Mai Trường

Email: truong.agy@gmdungquat.com.vn



LUÔNG

1	Độ sâu tối thiểu theo bản đồ	12 m
2	Chiều rộng tối thiểu	120 m
3	Chất lượng đáy	Bùn và cát
4	Mức chân hoa tiêu yêu cầu	50 cm
5	Kế hoạch nạo vét và bảo dưỡng cảng	Phụ thuộc vào thực trạng hoạt động của cảng
6	Tuyến/khoảng cách đến bến Gemadept	03 dặm (khoảng 05 km)
7	Thời gian hoàn thành cập bến	1.5 giờ
8	Chế độ thủy triều	Bán nhật triều.
9	Biên độ thủy triều trung bình	1.2 m
10	Đê chắn sóng	1.5 km



VÙNG QUAY TRỞ TÀU

1	Vị trí: Trung tâm	15°24'48"3 / 108°47'28"5
2	Bán kính: Dài x Rộng	360 x 360 m.
3	Chuẩn độ sâu tối thiểu	12 m
4	Chất lượng đáy cảng	Bùn và Cát
5	Mức chân hoa tiêu yêu cầu	50 cm



VÙNG NEO ĐÀU

1	Vị trí	15°26'30"N, 108°45'30"E
2	Độ sâu	20 m
3	Chất lượng đáy	Bùn và Cát



BÁO HIỆU HÀNG HẢI

1	Phao số "0"	15°26'13"1 (N); 108°45'10"5 (E)
2	Phao tiêu	Có
3	Ký mã hiệu vận chuyên	Có



HOA TIÊU (Công ty Hoa tiêu - Khu vực IV - TP. Đà Nẵng)

1	Vị trí hoa tiêu	15°26'30"N, 108°45'30"E
2	Giờ dịch vụ	24/24, tùy tình hình thực tế như tốc độ gió, dòng chảy ...
3	Liên lạc giữa tàu với hoa tiêu	VHF kênh 16, sau đó chuyển qua kênh 12 để liên lạc làm việc.
4	Phương thức điều khiển tàu trong cảng	Dây ném lên bờ sau đó buộc dây thừng tàu vào các cọc

bích



TÀU LAI (500 HP + 980 HP + 2800 HP +)

1	Số lượng tàu lai	<ul style="list-style-type: none"> ✓ An Hải 27: 2,800 Hp ✓ An Hải 09: 980 Hp ✓ Sông Hồng 04: 4,000 Hp ✓ Sông Hồng 02: 2,800Hp ✓ Trà Giang: 500 Hp ✓ Tân Cảng A3: 3,200Hp ✓ Việt Mỹ 18-GMD 4,800Hp
2	Dây kéo	Dây thừng tàu
3	Nơi buộc tháo dây với tàu lai khi tàu đến và rời cảng	Tại phao số 1.
4	Tiêu chuẩn về số lượng tàu lai cho mỗi tàu cập và rời cảng:	
	<p><u>a.1. Tàu cập bến:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Những tàu có chiều dài toàn phần từ 80m đến 110m phải sử dụng tối thiểu 01 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu là 500 HP. ➢ Những tàu có chiều dài toàn phần từ 110m đến 140m phải sử dụng tối thiểu 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu là 500 HP & 800 HP. ➢ Những tàu có chiều dài toàn phần từ 140m đến 170m phải sử dụng tối thiểu 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu là 800 HP & 1100 HP. ➢ Những tàu có chiều dài toàn phần từ 170m đến 250m phải sử dụng tối thiểu 03 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu là 500 HP, 800 HP và 1700 HP. ➢ Những tàu có chiều dài toàn phần trên 250m phải sử dụng tối thiểu 04 tàu lai bao gồm: 01 tàu lai với công suất tối thiểu là 1700 HP và 02 tàu lai với công suất tối thiểu là 1200 HP và 01 tàu lai với công suất tối thiểu là 800 HP. 	<p><u>a.2. Tàu rời bến:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Những tàu có chiều dài toàn phần từ 80m đến 110m phải sử dụng tối thiểu 01 tàu lai với công suất tối thiểu là 500 HP. ➢ Những tàu có chiều dài toàn phần từ 110m đến 140m phải sử dụng tối thiểu 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu là 500 HP. ➢ Những tàu có chiều dài toàn phần từ 140m đến 170m phải sử dụng tối thiểu 02 tàu lai với công suất tối thiểu cho mỗi tàu là 500 HP & 800 HP. ➢ Những tàu có chiều dài toàn phần từ 170m đến 250m phải sử dụng tối thiểu 03 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu là 500 HP & 800 HP và 1100 HP.
	<p>b. Ngoài ra, tùy thuộc vào các yếu tố thực tế, Giám đốc Hàng hải Quảng Ngãi sẽ quyết định số lượng tàu lai sử dụng và công suất mỗi tàu để đảm bảo an ninh hàng hải được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Những tàu vận chuyển khí gas, dầu, chất lỏng, chất dễ gây cháy nổ... ➢ Những tàu có thiết bị hỗ trợ điều đông chuyên dụng. ➢ Những tàu có chiều dài toàn phần, trọng tải tàu vượt mức giới hạn cho phép của cầu cảng, bến phao đã được công bố. ➢ Các trường hợp cần thiết khác. 	
5	Trang bị bộ đàm cầm tay VHF trên tàu lai	Bắt buộc
6	Tiêu chí hoạt động	Theo lệnh của hoa tiêu
7	Chủ sở hữu và khai thác	Công ty TNHH An Hải PTSC Gemadept Dung Quất



ĐIỀU KIỆN BẾN CẢNG

	Tên cảng	Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất – GMP .
	a. DWT tối đa và tốc độ tiếp cận cảng	70,000 DWT đối với tàu dầm gỗ 50,000 DWT đối với tàu tổng hợp
	b. Chiều dài toàn phần	145 + 110 m (02 phao nổi (200 tấn) tại 02 đầu). Tàu JR SUMMER có DWT 71,120 Mts, LOA 228 m cấp cảng an toàn.
1	c. Chiều rộng của cảng	33.5 m
	d. Chiều cao của cầu cảng	16 m (12m + 4m)
	e. Mớn nước tối đa cho tàu chạy	12m.
	f. Tốc độ	Theo lệnh của hoa tiêu – Thuyền trưởng cần chú ý khi tàu tiếp cận đến bến; tốc độ cập cảng không quá 0.1m/s. Và góc giữa tàu và cảng không quá 1 ⁰
	g. Cầu dẫn chữ U	Dài: 40m – Rộng: 15m
	h. Vị trí	15°24'08''N – 108°47'50''E
2	Đỉnh thủy triều thấp nhất triều cường	Không ảnh hưởng
3	Chân hoa tiêu yêu cầu	50 cm
4	Chiều dài cảng	145 m
5	Chiều cao tĩnh không	Không giới hạn
6	Kích thước tối đa tàu đã từng cập bến	71,120 DWT / Mv. JR SUMMER
7	Loại đệm va và chất liệu	Hệ thống cầu đệm đá hiện đại hiệu Bridge Stone, Cao su. Kích thước: 1,510x1,810x1,305 mm. Sức chịu va đệm: 50,000DWT
	Số lượng và khoảng cách	14 cái /145m với khoảng cách là 10 m
8	Cọc bit	08 cọc, chịu lực kéo 75 mt.
9	Tên Cầu bến	Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất – GMP
	Cầu bờ và Gầu ngoạm:	
10	Cầu bờ Liebherr	02 cầu bờ di chuyển dọc hệ thống đường ray 145m, tầm với từ 4,05 đến 32 m, quay tròn, trọng lượng xếp hàng an toàn 40 tấn, Khả năng xếp dỡ cont: 15 moves/giờ.
	Gầu ngoạm	Nhãn hiệu: Zishi, Model: YK17 – 5; Công suất: 7.2 m ³ Nhãn hiệu: Guven – Electro Hydraulic Clamshell Grab; Công suất: 10 m ³ .
	Xe nâng and xe chụp container:	
11	Xe nâng	01x28 SWL tons, 01x3,5 SWL tons, 01x4.0 SWL tons.
	Xe chụp container	01x 45 SWL tons.
12	Hệ thống ưu tiên	Theo lịch tàu.
13	Nước ngọt cho tàu	Hệ thống ống nước nối với bờ
14	Cung cấp nhiên liệu	Luôn có sẵn DO, FO, LO nhưng phải thông báo đặt trước 48 giờ.
15	Dry Docking	Không
16	Độ mặn nước biển / Tỷ trọng	1.010 –1.021
17	Giới hạn trọng tải tàu	Tàu dầm gỗ 70.000DWT
18	Phao nổi	02 x 200 tấn tại hai điểm đầu.
19	Đầu kéo và mooc	05 đầu kéo container và 02 mooc cho hàng thiết bị.
20	Spreaders	02 x 20'; 02 x 40' chuyên dùng cho hàng

		container.
21	Hệ thống băng tải	03 set
22	Cân điện tử (80 tấn)	01
23	Thời gian làm việc	24/7

NĂNG SUẤT XÉP DỠ HÀNG HÓA

1	Loại và số lượng phương tiện xếp dỡ	Cầu tàu, 02 cầu bờ, 03 băng tải.
2	Tỷ lệ xếp dỡ cát Silic dioxyt	6,000MT/24 giờ/02 máng.
3	Công suất xếp dỡ đăm gỗ	8,000 mts / ngày / 01 băng tải.
4	Giờ làm việc	Liên tục 24h, làm việc kể cả Chủ nhật và các ngày lễ
5	Phương thức xếp dỡ đối với Silic-đioxyt hàng rời	Gầu ngoạm của Cảng và cầu bờ.
6	Phương thức xếp dỡ đối với hàng Soda	Gầu ngoạm của Cảng, cầu bờ và Hopper 3,500 – 4,000 mts/ngày

THÔNG TIN LIÊN LẠC

1	Liên lạc giữa hoa tiêu, thuyền trưởng, cảng, đại lý, tàu lai, cảng vụ trong việc cập cảng, rời cảng, đổi cầu....	Bảng bộ đàm cầm tay VHF – kênh 16 sau đó chuyển qua kênh 12 để liên lạc làm việc.
2	Liên lạc giữa tàu và cảng	Bảng bộ đàm cầm tay VHF – kênh 01

KIỂM DỊCH

1	Hệ thống đài (sóng) kiểm dịch sẵn có	Không
2	Trạm kiểm dịch	Trạm hoa tiêu
3	Giờ dịch vụ	Giờ làm việc
4	Các chứng từ cần thiết	Giấy chứng nhận miễn thuế diệt chuột, bản khai sức khỏe; bản khai thân nhiệt của tất cả các thuyền viên; danh sách thuyền viên; bản khai hành trình tàu

HẢI QUAN & XUẤT NHẬP CẢNH

1	Nơi các cơ quan lên tàu (boarding)	Không lên tàu – thủ tục cập bến rời bến làm tại văn phòng cảng vụ
2	Giờ dịch vụ	Giờ làm việc
3	Các chứng từ	Vận đơn, lược khai hàng hóa, Kế hoạch xếp hàng, Bond store list, danh sách nhiên liệu dự trữ tàu, danh sách tài sản tàu, danh sách các động cơ máy dự trữ tàu, danh sách ngoại tệ, hộ chiếu, seaman-book....